

Bản án số: **04/2024/HS-ST**
Ngày 16-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đăng

Ông Trịnh Thanh Trần

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Tô Minh N, sinh năm 2004. Nơi sinh: Huyện U, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Tô Văn Đ, sinh năm 1973, mẹ: Huỳnh Thị K; vợ và con: Chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Nguyễn Rô S, sinh năm 2003. Nơi sinh: Huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Văn T (đã chết), mẹ: Nguyễn Ngọc N1, sinh năm 1981; vợ và con: Chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Chị Huỳnh Minh T1, sinh năm 2002 (vắng mặt)

2. Anh Huỳnh Chí H, sinh năm 2004 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 15 phút, ngày 07/02/2023, Tô Minh N sau khi nhậu xong, trên đường về thấy nhà bà Nguyễn Thị K1 thuộc ấp A, xã K cửa sau khép hờ, nên nảy sinh ý định vào nhà lấy trộm tài sản. N đi đến dùng tay đẩy cửa sau và đi lên nhà trước, phát hiện trên đầu giường bà K1 đang ngủ có 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A37, màu đen đang sạc nên lấy trộm điện thoại cất vào túi quần phía trước bên phải. Sau đó, N đến nhà của S nhờ S cất điện thoại vừa trộm được nhưng không nói điện thoại do trộm mà có, S nhận điện thoại rồi cất vào tủ thờ. N tiếp tục đến nhà bà Huỳnh Thị G để lấy trộm tài sản do lúc sáng ngày 06/02/2023, N thấy con cháu nhà bà G về thăm có nhiều tài sản có giá trị. N vào nhà sau của bà G đến giường của Huỳnh Chí H đang ngủ lấy trộm 01 điện thoại di động Iphone 12, màu trắng để dưới gối ôm cất vào túi quần phía trước bên phải. N tiếp tục đến giường Huỳnh Minh T1 đang ngủ lấy trộm 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, màu vàng hồng để ngoài mùng cất vào túi quần phía trước bên phải. N quan sát thấy 01 túi xách nhựa có quai, màu đen để trên xe mô tô, nhãn hiệu Air Blade màu đen, đầu gần giường H đang ngủ, N đi đến mở túi và lấy trộm 01 xấp tiền trong ngăn kéo nhỏ cất vào túi quần phía sau.

Sau khi trộm các tài sản trên, N tiếp tục đi về nhà S và nhờ S cất 02 chiếc điện thoại Iphone vừa trộm được. Lúc này, S mới hỏi N điện thoại ở đâu nhiều vậy, N trả lời 03 điện thoại nhờ S cất giùm là điện thoại trộm ở nhà bà K1 và nhà bà G. Siện tiếp tục lấy 02 điện thoại Iphone trên cất vào tủ thờ. N lấy xấp tiền vừa trộm được ra kiểm tra gồm có 04 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 200.000 đồng và 02 tờ mệnh giá 100.000 đồng, tổng số tiền là 2.600.000 đồng. Siện hỏi mượn N 700.000 đồng trong số tiền vừa trộm được, N đồng ý và đưa cho S 700.000 đồng.

Khoảng 11 giờ ngày 09/02/2023, N điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Sirius, màu vàng, biển kiểm soát 73N6-0686 đến nhà S, nói S lấy 02 điện thoại di động Iphone Nhứt trộm được đi mở khóa màn hình, chia nhau sử dụng thì S đồng ý. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, N và S vào cửa hàng điện thoại di động H, thuộc Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, để mở khóa điện thoại Iphone 12 màu trắng và Iphone 6 Plus, màu vàng hồng. Tuy nhiên, chỉ sửa được nút home và mở khóa màn hình điện thoại Iphone 6 Plus, còn điện thoại Iphone 12 không thể mở khóa màn hình. Do đó, N bán điện thoại Iphone 12 với giá 1.500.000 đồng, còn điện thoại Iphone 6 Plus N đem về để sử dụng cá nhân. Trên đường về S hỏi mượn tiền, N đồng ý và đưa cho S mượn 1.400.000 đồng, còn 100.000 đồng N cất vào túi quần.

Đôi với chiếc điện thoại di động OPPO A37, N đã đưa cho Trần Khánh D mượn vào ngày 08/02/2023, hiện nay điện thoại đã bị rớt xuống sông, không thể tìm lại được.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản, kết luận: 01 điện thoại di động, hiệu Iphone 6Plus, màu vàng hồng, bộ nhớ 64GB, tại thời điểm ngày 07/02/2023, trị giá là 1.440.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12, màu trắng, bộ nhớ 128GB, tại thời điểm ngày 07/02/2023, trị giá là 16.100.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37, màu đen, ram 02GB, tại thời điểm ngày 07/02/2023, trị giá là 659.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 03 chiếc điện thoại di động mà N lấy trộm theo định giá là 18.199.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Chí H yêu cầu các bị cáo phải khắc phục hậu quả số tiền 18.700.000 đồng; bị hại Nguyễn Thị K1 yêu cầu khắc phục số tiền 3.000.000 đồng; bị hại Huỳnh Minh T1 đã nhận lại được tài sản nên không yêu cầu về phần dân sự. Hiện nay, bị cáo Tô Minh N đã khắc phục cho bị hại Huỳnh Chí H số tiền 2.600.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tại Bản cáo trạng số: 41/CT-VKS ngày 09/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Tô Minh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Rô S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát bảo vệ toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tô Minh N từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Rô S từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Buộc các bị cáo N và S cùng có nghĩa vụ bồi thường cho anh Huỳnh Chí H số tiền 16.100.000 đồng và bồi thường cho bà Nguyễn Thị K1 số tiền 3.000.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, đã ăn năn hối cải và sẽ khắc phục hậu quả cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên thực hiện hành vi tố tụng và ban hành các quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật nên các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án là hợp pháp. Tại phiên tòa, các bị cáo đều khẳng định trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo

tự nguyện khai báo; những người tiến hành tố tụng không ép cung, mớm cung, bức cung đối với các bị cáo.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Tô Minh N và Nguyễn Rô S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh đã truy tố. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

[2.1] Vào khoảng 01 giờ 15 phút, ngày 07/02/2023, tại nhà của bà Nguyễn Thị K1 và bà Nguyễn Thị G1, bị cáo Tô Minh N lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của các bị hại, đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm số tiền 2.600.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 của Huỳnh Chí H, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 của bà Nguyễn Thị K1, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus của Huỳnh Minh T1. Tổng giá trị tài sản Tô Minh N đã lấy trộm của các bị hại là 20.799.000 đồng là thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[2.2] Từ ngày 07/02/2023 đến ngày 09/02/2023, bị cáo Nguyễn Rô S đã thực hiện hành vi chứa chấp, sau đó tiêu thụ tài sản do N trộm mà có, gồm: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37, 01 điện thoại di động Iphone 12 và 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus; tiêu xài số tiền 700.000 đồng trong tổng số tiền 2.600.000 đồng mà N lấy trộm và tiêu xài số tiền 1.400.000 đồng trong tổng số tiền 1.500.000 đồng có được do bán điện thoại Iphone 12 mà N đã trộm.

[3] Như vậy, đã có đầy đủ cơ sở kết luận bị cáo Tô Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Rô S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và phải chịu chế tài hình sự nghiêm khắc nhưng vì hám lợi, lười lao động và để có tiền phục vụ cho nhu cầu chi xài cá nhân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại trái pháp luật và bất chấp chế tài hình sự nghiêm khắc để thực hiện hành vi phạm tội nhằm thu lợi bất chính cho bản thân.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo:

[5.1] Bị cáo Tô Minh N tự nguyện khắc phục một phần hậu quả với số tiền 2.600.000 đồng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Bị cáo Nguyễn Rô S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1

Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ông cố của bị cáo S là cụ Liên Thiện H1 có công với cách mạng được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và lỗi của các bị cáo là thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích trên, nhân thân tốt, chưa bị tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo Tô Minh N và Nguyễn Rô S ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt cải tạo các bị cáo tại địa phương cũng bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa và tạo điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Xử lý vật chứng vụ án: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu vàng, biển kiểm soát 73N6-0686: Quá trình điều tra xác minh, chiếc xe trên thuộc sở hữu của Tô Ngọc H2, việc N và S sử dụng xe để đi sửa và bán điện thoại do N trộm mà có thì H2 không biết nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ chiếc xe trên mà trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định pháp luật.

[8] Đối với Trần Khánh D không biết điện thoại OPPO A37, màu đen bị cáo N đưa cho D sử dụng là tài sản trộm mà có. Anh Lư Vũ H3 chủ cửa hàng điện thoại Hiền Đ1 không biết điện thoại Iphone 12, màu trắng đã mua là tài sản Nhặt trộm mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý D và H3 về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, bị cáo Tô Minh N đồng ý bồi trừ số tiền khắc phục hậu quả cho bị hại H và các bị cáo thống nhất mỗi bị cáo bồi thường thiệt hại tương ứng $\frac{1}{2}$ giá trị điện thoại OPPO là 3.000.000 đồng cho bà K1 và bồi thường cho anh H số tiền 16.100.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các bị cáo và các bị hại, không trái với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Tô Minh N và Nguyễn Rô S, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với số tiền bồi thường cho các bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Tô Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Rô S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Tô Minh N **01 (Một)** năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày 16 tháng 02 năm 2024.

Giao bị cáo Tô Minh N cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Rô S **09 (Chín)** tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày 16 tháng 02 năm 2024.

Giao bị cáo Nguyễn Rô S cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Tô Minh N và Nguyễn Rô S có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584 và 591 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc các bị cáo Tô Minh N và Nguyễn Rô S phải bồi thường cho anh Huỳnh Chí H tổng số tiền 18.700.000 đồng, trừ khoản tiền bị cáo Tô Minh N đã khắc phục hậu quả 2.600.000 đồng, còn lại số tiền 16.100.000 đồng:

+ Buộc bị cáo Tô Minh N có trách nhiệm bồi thường cho anh Huỳnh Chí H số tiền 8.050.000 đồng (Tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Nguyễn Rô S có trách nhiệm bồi thường cho anh Huỳnh Chí H số tiền 8.050.000 đồng (Tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Huỳnh Chí H được nhận số tiền bị cáo Tô Minh N đã khắc phục hậu quả 2.600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001801 ngày 07/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Buộc bị cáo Tô Minh N và Nguyễn Rô S mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị K1 số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Tô Minh N và Nguyễn Rô S, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm 477.500 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Các bị cáo Tô Minh N và Nguyễn Rô S và các bị hại Nguyễn Thị K1, Huỳnh Chí H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại Huỳnh Minh T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện U Minh;
- Cơ quan THAHS huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út